

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 711 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bộ tiêu chí của tỉnh Quảng Ngãi
về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3203/SNNPTNT-NTM ngày 13/12/2016 về việc dự thảo Quyết định ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí của tỉnh Quảng Ngãi về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Điều 2.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thành phố căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ ngành Trung ương để tổ chức thực hiện. Trường hợp phát sinh vướng mắc, có ý kiến tham mưu UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí cho phù hợp.

2. Các Sở ngành theo chức năng quản lý nhà nước, hướng dẫn thực hiện tiêu chí do Sở ngành phụ trách phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở ngành, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình

mục tiêu quốc gia tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BỘ TIÊU CHÍ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI
VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2016
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

I. QUY HOẠCH

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã[1] được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

			Khu vực đồng bằng	Khu vực miền núi, hải đảo
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp A hoặc B (theo Quyết định 4927/QĐ-BGTVT	Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp A hoặc B (theo Quyết định 4927/QĐ-BGTVT

ngày
25/12/2014
của Bộ
trưởng Bộ

ngày
25/12/2014
của Bộ
trưởng Bộ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh	
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	<i>hóa</i> $\geq 90\%$)	$\geq 70\%$)
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp D (theo Quyết định 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT); cứng hóa $\geq 70\%$	Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp D (theo Quyết định 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT); cứng hóa $\geq 55\%$
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp D (theo Quyết định 4927/QĐ-	Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp D (theo Quyết định

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh	
			BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT);); cứng hóa $\geq 70\%$	4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT);); cứng hóa $\geq 55\%$
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương loại III đạt $\geq 55\%$; diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt $\geq 80\%$.	
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 98\%$	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	$\geq 80\%$	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Khu vực đồng bằng	Khu vực miền núi, hải đảo
			- Nhà Văn hóa hoá hoặc hội trường đa năng: diện tích $\geq 500m^2$; $\geq 200m^2$ chỗ ngồi; - Khu thể	- Nhà Văn hóa hoá hoặc hội trường đa năng: diện tích $\geq 300m^2$; $\geq 120m^2$ chỗ ngồi; - Khu thể

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh
			vận động): $\geq 2000\text{m}^2$ vận động): $\geq 1000\text{m}^2$
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định[2]	Có
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Xã có chợ theo quy hoạch đạt chuẩn theo quy định hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Có
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Có
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Có
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Có
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 80\%$
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT			
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥ 41 tr.đồng/người/năm
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	$\leq 5\%$
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 90\%$
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh	
		đảm bảo bền vững		
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥85%	
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥40%	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%	
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	Khu vực đồng bằng ≤24,2%	Khu vực miền núi, hải đảo ≤31,4% (theo khu vực Tây nguyên)
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥95% (≥60% nước sạch)	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: - Việc mai táng phải phù hợp với tín	Đạt	

ngưỡng, phong tục tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại nhưng phải bảo đảm an toàn, an ninh và vệ sinh môi

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh
		trường theo quy định. - Có quy hoạch xây dựng nghĩa trang lâu dài phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, tập quán của địa phương và được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Xây dựng quy chế về quản lý, sử dụng nghĩa trang theo quy định.	
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch[3]	≥85%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥75%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%
IV. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ			
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt
19	Quốc phòng và An	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh
	ninh	19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt

[1]. Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

[2]. Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

[3]. Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).